

SỰ ĐỒNG NHẤT VÀ KHÁC BIỆT TRONG VIỆC LỰA CHỌN THỰC THỂ SO SÁNH CỦA NGƯỜI VIỆT XƯA VÀ NAY

ThS. TRẦN THỊ OANH*

1. So sánh là một trong những thao tác của tư duy, muốn tư duy cần có ngôn ngữ, so sánh diễn ra trong tư duy và được lưu giữ bằng biểu thức ngôn ngữ (BTNN). BTNN thể hiện thao tác so sánh trong tư duy gọi là BTNN so sánh.

Tiếp thu quan niệm gọi các đối tượng so sánh là thực thể của J. Lyons, tác giả Lưu Quý Khương tiếp tục trình bày quan niệm này trong công trình nghiên cứu *Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt (So sánh thang độ)*. BTNN so sánh có cấu trúc chung gồm 4 yếu tố: thực thể được so sánh (TTĐSS), phương diện được so sánh (PDĐSS), từ chỉ kết quả so sánh (TCKQSS) và thực thể so sánh (TTSS), ví dụ:

TTĐSS (A)	PDĐSS	TCKQSS	TTSS (B)
bông	trắng	như	mây

Ví dụ trên cho thấy TTĐSS là tất cả những gì người nói muốn diễn tả để người nghe cảm nhận được. Theo chúng tôi, TTĐSS có thể là những thực thể quen thuộc nhưng cũng có thể là những thực thể không quen thuộc. Thậm chí có những thực thể mới hoàn toàn, chưa từng có, chưa từng xuất hiện ở vùng miền, đất nước nơi mình sinh sống. Bởi vậy, chúng tôi không đi tìm hiểu TTĐSS (A) mà lựa chọn TTSS (B) - những thực thể quen thuộc đối với cả người phát và người nhận. Điều này có nghĩa TTSS phản ánh kinh nghiệm sống của con người trong quá trình tương tác với hiện thực khách quan, thể hiện thế giới quan của con người.

Bài viết này tìm hiểu sự đồng nhất và khác biệt trong việc lựa chọn TTSS (B) của người Việt xưa và nay, hi vọng giúp người nói, người viết có thể lựa chọn những TTSS phù hợp để tạo lập BTNN so sánh đạt được kết quả cao trong giao tiếp đời thường cũng như trong sáng tác thơ ca.

2. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy không phải thời nào người Việt cũng luôn đồng nhất trong cách lựa

chọn TTSS, trong BTNN so sánh của người Việt trước đây và hiện nay có sự đồng nhất và khác biệt.

2.1. Sự đồng nhất

Trước đây, khi tạo lập BTNNSS, TTSS bao giờ cũng là những đối tượng cụ thể. Nếu A cụ thể thì B cụ thể; và khi A trừu tượng thì B vẫn là một đối tượng cụ thể. Chẳng hạn: *Thân em như tấm lụa điều/Đã đông nơi chuộng, lại nhiều nơi thương.*

TTSS (B) trong câu ca dao trên là *tấm lụa điều* - đối tượng cụ thể để làm chuẩn cho đối tượng được so sánh là *thân em*. Đối tượng so sánh cụ thể là TTSS mang tính truyền thống trong việc tạo lập các BTNN so sánh của người Việt xưa. Tiếp nối truyền thống này, trong thơ văn hiện đại, chúng ta cũng bắt gặp rất nhiều BTNNSS dạng này:

*"Đêm như biển không bờ, bóng tối rất thăm sâu
Đời cũng giống như biển kia anh lại giống con tàu"* (1; tr 319).

Trong câu thơ trên của nhà thơ Lưu Quang Vũ, khi TTĐSS (A) là đối tượng cụ thể: *đêm* thì TTSS (B) cũng là đối tượng cụ thể: *biển không bờ*. Khi TTĐSS là đối tượng trừu tượng: *đời* thì TTSS cũng vẫn là đối tượng cụ thể *biển*. Cách lựa chọn TTSS là những đối tượng cụ thể này đã giúp cho người nghe, người đọc dễ dàng hình dung và cảm nhận về TTĐSS là *đời* cũng rất rộng lớn giống như biển cả vậy.

Sự đồng nhất trong việc lựa chọn TTSS còn thể hiện ở việc lựa chọn những TTSS mang tính truyền thống: *Em xinh là xinh như cây lúa* (Huyền Tâm). Câu hát chèo theo lời ới trên là một BTNNSS. Trong đó, *cây lúa* là TTSS được lựa chọn làm chuẩn để nói về vẻ đẹp của cô gái, tác giả đã lấy sự quý giá của cây lúa (cây lương thực chính của người Việt) làm chuẩn mực cho vẻ đẹp của người con gái. Hay lựa chọn một bộ phận cơ thể con người làm TTSS, làm chuẩn mực

* Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, Trường Cao đẳng sư phạm Bắc Ninh

để đo lường về độ dài cho TTĐSS. Ví dụ: *Lá liễu dài như một nét mi*, hay: *Tháng giêng ngon như một cặp môi gần* (Xuân Diệu). Có một số tác giả cho rằng, BTNNSS trên là một phát hiện mới mẻ của nhà thơ Xuân Diệu: lấy con người làm chuẩn mực cho thiên nhiên. Theo chúng tôi, những TTSS này vẫn theo lối truyền thống. Bởi *một nét mi*, *cặp môi gần* đều là bộ phận của cơ thể người dùng làm chuẩn để đo lường về lượng (*Lá liễu dài như một nét mi*) hoặc về chất (*Tháng giêng ngon như một cặp môi gần*). Cả hai TTSS này đều mang tính cụ thể, làm chuẩn cho TTĐSS là *lá liễu* và *tháng giêng*. Điều này cũng được thể hiện rõ nét trong hình ảnh con sông Đà qua ngòi bút miêu tả của nhà văn Nguyễn Tuân:

“Con Sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân” (2; tr 304).

Từ những lập luận trên, có thể thấy các câu thơ của Xuân Diệu, câu văn của Nguyễn Tuân đều là những BTNNSS có các TTSS mang tính truyền thống, thể hiện cách tư duy theo lối trực quan của người xưa.

2.2. Sự khác biệt

Trong thơ văn hiện đại, một số tác giả khi lựa chọn TTSS để tạo lập BTNNSS không tuân theo nguyên tắc truyền thống. Nghĩa là TTSS (B) không chỉ là đối tượng cụ thể mà còn là đối tượng trừu tượng. Điều này tạo nên sự khác biệt với quan điểm của người Việt xưa trong việc lựa chọn TTSS để tạo lập BTNNSS trong tiếng Việt. *Tường mới như tâm hồn em lợp toàn ngói đỏ* (Xuân Diệu). BTNNSS trên có TTĐSS là đối tượng cụ thể: *tường* (A). Theo quan niệm truyền thống, TTSS phải là một đối tượng nào đó cụ thể để người đọc tri nhận dễ dàng về (A). Nhưng trong BTNNSS này, Xuân Diệu lại lựa chọn TTSS là đối tượng rất trừu tượng là: *tâm hồn em lợp toàn ngói đỏ*. Nhà thơ đã không theo cách tư duy xưa phải cụ thể hóa TTSS. Phải chăng sự sáng tạo trong cách lựa chọn TTSS của Xuân Diệu là một trong những lí do khiến nhà thơ được tôn vinh là “mới nhất trong các nhà thơ mới”. Cùng lối tư duy hiện đại ấy trong sáng tạo nghệ thuật, nhà thơ Tế Hanh viết:

*Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa
Hoa cúc vàng như nỗi nhớ dây dưa.*

Trong câu thơ thứ nhất theo cách lựa chọn TTSS truyền thống thì màu *đỏ* thường được so sánh với các

đối tượng cụ thể như sau: *son, đồng hun, huyết, màu cờ, mào gà,...* Nhưng ở đây TTSS là: *mối tình đượm lửa*, mặc dù có từ *lửa* nhưng không được dùng theo nghĩa gốc để chỉ màu đỏ mà dùng theo nghĩa chuyển để chỉ sự nồng nàn say đắm của tình yêu. Như vậy, TTSS *mối tình đượm lửa* là trừu tượng làm cho TTĐSS *lá phong đỏ* trở nên không rõ ràng, không được cụ thể hóa. Tương tự như vậy, trong câu thơ thứ hai TTĐSS rất cụ thể: *hoa cúc vàng* còn TTSS là đối tượng trừu tượng: *nỗi nhớ dây dưa*.

Các TTSS trừu tượng trên đã tạo ra sự mơ hồ, khó hình dung hơn cả TTĐSS. Nhưng chính sự mơ hồ, khó hình dung đó đã khơi gợi được trí tưởng tượng phong phú cho người đọc, người nghe và tăng sức biểu cảm cho câu thơ.

Có thể dễ dàng nhận thấy sự đồng nhất và khác biệt trong việc tạo lập BTNNSS của người Việt xưa và nay thể hiện hành trình sáng tạo không mệt mỏi của tư duy nghệ thuật. Bởi thế, văn học xưa viết *dài như sông* còn thơ văn hiện đại lại viết *dài như nỗi nhớ*; hay văn chương xưa so sánh *xanh như lá*, văn thơ ngày nay lại viết *xanh như là thương nhau*. Có lẽ, với người Việt xưa, so sánh thường để nhận thức về TTĐSS (A); còn với người Việt hiện nay bên cạnh nhu cầu nhận thức, so sánh còn là nơi để thể hiện khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân. Sự khác biệt trong việc lựa chọn TTSS của người Việt xưa và nay đã góp phần tạo ra sự đa dạng và phong phú khi tạo lập BTNNSS trong tiếng Việt, tạo nên những giá trị muôn màu của văn chương nghệ thuật. □

(1) Lưu Khánh Thơ. **Lưu Quang Vũ tài năng và lao động nghệ thuật**. NXB Văn hóa Thông tin, H. 2001.

(2) Trần Đình Sử (chủ biên). **Tinh tuyển văn học Việt Nam** (tập 8). NXB Khoa học Xã hội, H. 2004.

Tài liệu tham khảo

Lưu Quý Khương. *Các phương thức biểu hiện ý nghĩa so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt (so sánh thang độ)*. Luận án tiến sĩ. Đại học quốc gia Hà Nội, 2004.

SUMMARY

In comparison, the choice of compared entities (side B) as a standard to compare has changed over time. The Vietnamese in the past often choose compared entities (side B) which are specific subjects to be standards while nowadays, side B is not only the specific but also abstract subjects. Choosing abstract subjects as compared entities is the different feature between the ancient and present Vietnamese.